

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-PT

Ngày: 27/9/2023

“V/v tranh chấp QSD đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Luật.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trung;
Bà Đoàn Thị Kim Thương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trà Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2023/TLPT-DS ngày 05/9/2023 về việc *“Tranh chấp quyền sử dụng đất”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 9 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 147/2023/QĐ-PT ngày 22/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Th

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Tấn Ph – Văn phòng Luật sư Th; Địa chỉ: Số 1 đường Nguyễn Chí Th, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Văn S

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Chị Nguyễn Thị Kim Ch

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn L, sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Lê Văn T sinh năm 1960

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Ông Mai Xuân Tr, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, , có mặt.

- Ông Mai Xuân B, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị.

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

5. Vụ án được đưa ra xét xử phúc thẩm do có kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2022 của nguyên đơn Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Th và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Năm 1998 gia đình ông Nguyễn Văn L được cấp 01 thửa đất theo dự án Flan, hình thức bóc xăm đất hoa màu để cải tạo đất tại vùng Bộng Mới (Thôn T, xã C) để sản xuất nông nghiệp, quá trình sử dụng từ năm 1998 đến năm 2006 gia đình trồng lạc, trong năm này gia đình ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch có mượn diện tích khoảng 200m² để làm quán tạm kinh doanh buôn bán (quán lợp tôn, xung quanh tường tôn). Quá trình Nhà nước giao cho gia đình ông L, bà Th quản lý sử dụng đất này thì từ năm 2003 đến năm 2017 ông bà đều nộp khoản phí trồng hoa màu trên đất cho chính quyền địa phương. Đến năm 2010, khi có công trình mương nước và đường giao thông đi qua một phần đất được cấp thì ông, bà đã nhận tiền hỗ trợ. Cách đây khoảng 6 năm gia đình ông Th, bà Ch không sử dụng quán này nữa nên năm 2018 gia đình ông L, bà Th lấy lại đất đã cho mượn nhưng ông Th và bà Ch không trả.

Nay, ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Xác định diện tích 1.482m² (theo kết quả đo vẽ ngày 09/6/2022) đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th.

2. Yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại phần diện tích đất là 257m² (theo kết quả đo vẽ ngày 09/6/2022) đã mượn và tháo dỡ công trình trên đất.

Bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch trình bày:

Gia đình ông Th, bà Ch đã sinh sống và ở ổn định trên đất từ năm 2006 cho đến nay. Thời điểm đó ông bà có làm một quán trên đất bỏ hoang và UBND xã có

mời lên làm việc, vợ chồng ông có cam kết công trình phúc lợi nhà nước đi qua thì vợ chồng ông tháo dỡ trước 15 ngày. Năm 2006 đến nay ông không nộp các khoản phí sử dụng đất và sinh sống cho đến nay, ông không có giấy tờ, tài liệu chứng minh quyền sử dụng mảnh đất đang tranh chấp. Năm 2018 ông L, bà Th có đòi lại đất nhưng ông không đồng ý vì ông không mượn đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Lê Tấn Ph đồng ý như ý kiến của ông Th và bà Ch.

Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Kim Ch trình bày:

Trước đây chị Ch nghe nói gia đình bố mẹ (ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th) được cấp 01 thửa đất theo dự án Flan, hình thức bóc xăm đất hoa màu để cải tạo đất tại vùng Bộng Mới để sản xuất nông nghiệp, năm 2006 gia đình ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch có mượn diện tích khoảng 200m² để làm quán tạm kinh doanh buôn bán. Đến năm 2010, khi có công trình mương nước và đường giao thông đi qua một phần đất của gia đình thì chúng tôi đã nhận tiền hỗ trợ. Cách đây khoảng 6 năm gia đình bố mẹ tôi lấy lại đất đã cho ông Th và bà Ch mượn nhưng ông Th và bà Ch không trả.

Nay ông gia đình tôi ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định diện tích 1.482m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th; yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại phần diện tích đất đã mượn và tháo dỡ công trình trên đất.

Chị Ch đồng ý với ý kiến trên, đất này bố mẹ chị đang sử dụng nên chị Ch đồng ý tiếp tục giao cho ông L, bà Th sử dụng và toàn quyền quyết định. Chị Ch đề nghị Tòa án không đưa chị tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và không yêu cầu Tòa án, Hội đồng xét xử tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị Ch xin được vắng mặt tất cả các buổi làm việc.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Strình bày:

Trước đây anh S nghe nói gia đình bố mẹ (ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th) được cấp 01 thửa đất theo dự án Flan, hình thức bóc xăm đất hoa màu để cải tạo đất tại vùng Bộng Mới để sản xuất nông nghiệp, năm 2006 gia đình ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch có mượn diện tích khoảng 200m² để làm quán tạm kinh doanh buôn bán. Đến năm 2010, khi có công trình mương nước và đường giao thông đi qua một phần đất của gia đình thì ông L, bà Th đã nhận tiền hỗ trợ. Cách đây khoảng 6 năm gia đình lấy lại đất đã cho ông Th và bà Ch mượn nhưng ông bà không trả.

Nay, ông gia đình ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định diện tích 1.482m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th, yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại phần diện tích đất đã mượn và tháo dỡ công trình trên đất.

Anh S đồng ý với ý kiến trên, đất này ông L, bà Th đang sử dụng nên anh S đồng ý tiếp tục giao cho ông bà sử dụng và toàn quyền quyết định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 29 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 244, Điều 271, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th

Xác định ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th có quyền sử dụng diện tích 1.482m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C.

Buộc ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch trả lại diện tích đất đang sử dụng là 257m² thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65 tại Thôn T, xã C huyện C cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Th và có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/6/2023 bị đơn ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành thủ tục tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý phúc thẩm vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Xác định diện tích 1.482 m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C là của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th và yêu cầu ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải trả lại phần diện tích đất đã mượn là 257m² và tháo dỡ công trình trên đất.. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo quy định tại Khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 203 Luật đất đai 2013 và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về thời hạn kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Bị đơn ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Năm 1998 chính quyền Thôn T, xã C tổ chức bốc thăm đối với những hộ có nhu cầu có đất sản xuất nông nghiệp, hộ dân nào bốc thăm có đất và vị trí đất nào thì sẽ dùng đất đó sản xuất và trong quá trình sản xuất nếu hộ nào không sản xuất thì bị thu hồi để giao cho hộ khác có nhu cầu. Hộ ông Nguyễn Văn L bốc thăm trúng thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65. Thửa đất này được UBND xã giao cho hộ ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th quản lý sử dụng được ghi vào sổ mục kê quyền sở hữu số 001, năm 2018, trang số 132, số tờ bản đồ 65, thửa đất 145.

Quá trình sử dụng hộ ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th canh tác sản xuất nông nghiệp và Nhà nước không thu bất kỳ loại thuế nào. Mặc dù vậy, các hộ trong thôn thỏa thuận thu 10.000đồng/sào khoản lệ phí bảo vệ hoa màu và hộ ông L, bà Th đã nộp đầy đủ. Năm 2006 ông Th bà Ch có làm một quán tạm bán tạp hóa ở góc phần đất của ông L, bà Th đang sử dụng (đến nay ông Th bà Ch đang sử dụng, không có hệ thống cấp nước và nhà vệ sinh). Tuy nhiên, thời điểm này người dân trong thôn Tân H đều có hoàn cảnh khó khăn nên nhằm tạo điều kiện cho người dân mưu sinh, phát triển kinh tế, khắc phục khó khăn chính quyền địa phương đã không có ý kiến gì, diện tích đất còn lại ông L, bà Th sử dụng sản xuất nông nghiệp từ đó đến nay.

Năm 2010, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện C thu hồi đất xây dựng hệ thống kênh mương Đá Mài đi phía sau đất ông L, bà Th được giao quản lý sử dụng thì ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th là người ký vào các thủ tục và là người nhận tiền đền bù.

Việc ông Th, bà Ch cho rằng thời điểm ông bà dựng quán là đất do ông bà tự khai hoang. Qua việc xác minh tại địa phương thì thời điểm năm 2006 mảnh đất này ông L và bà Th đang sản xuất nông nghiệp, tại các biên bản làm việc và hòa giải của UBND xã Cam Tuyền ông Th trình bày việc ông mượn đất của gia đình ông Nguyễn Văn L để làm quán tạp hóa; trình bày của người làm chứng thì năm 2006 do vùng Tân Hiệp bị sụt lún nên 60 hộ dân ở vùng này nằm trong diện cấp độ 1 nguy hiểm được bốc thăm đất ở trong đó có hộ ông Lý và ông Th. Hộ ông L bốc thăm được ở lô dãy 1, hộ ông Th bốc thăm được ở lô dãy 2 và các hộ đã làm nhà ở trên đất này. Trong năm này, tại vùng đất Ủy ban xã Cam Tuyền giao cho hộ ông L (thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65) ông Th có làm 1 cái quán tạm để buôn bán (bà Ch là vợ ông Th với ông Lý là bà con anh em chú bác ruột). Trước đó từ năm 1998 đến năm 2006 ông L trồng hoa màu trên toàn bộ diện tích đất sản xuất bốc thăm trúng, đến năm 2006 khi ông Th về làm 1 cái quán nhỏ trên một phần đất này thì phần đất còn lại ông L sản xuất hoa màu từ đó cho đến nay.

Do đó, không có căn cứ xác định bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch khai hoang thửa đất hiện đang tranh chấp. Nên kháng cáo bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch là không có cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xác định ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th có quyền sử dụng diện tích 1.482m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C; Buộc ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch trả lại diện tích đất đang sử dụng là 257m² thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65 tại Thôn T, xã C huyện C cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Th và có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ công trình trên đất là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị, không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Chi phí tố tụng: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá 5.915.000 đồng tại giai đoạn sơ thẩm và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm là 2.500.000 đồng; số tiền này ông L, bà Th đã nộp, nên buộc ông Th và bà Ch hoàn trả lại cho ông L, bà Th số tiền 8.415.000 đồng.

[4] Về án phí:

- Bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Th, bà Nguyễn Thị Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai; Khoản 1 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th

Xác định ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị Th có quyền sử dụng diện tích 1.482m² đất tại thửa số 65, tờ bản đồ 145 ở Thôn T, xã C, huyện C.

Buộc ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch trả lại diện tích đất đang sử dụng là 257m² thuộc thửa đất số 145, tờ bản đồ số 65 tại Thôn T, xã C, huyện C cho ông Nguyễn Văn L, bà Trần Thị Th và có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ tài sản, công trình trên đất.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá số tiền 8.415.000đồng (trong đó chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ, định giá tại giai đoạn sơ thẩm là 5.915.000 đồng và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại giai đoạn phúc thẩm là 2.500.000 đồng), số tiền này ông L, bà Th đã nộp đủ, nên buộc ông Th và Ch hoàn trả lại cho ông L, bà Th số tiền 8.415.000đồng.

3. Về án phí:

Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000323 ngày 10/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Ông Trần Văn Th và bà Nguyễn Thị Ch còn phải nộp 300.000 đồng án phí..

Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Q. Trị;
- TAND h Cam L;
- Chi cục THADS h Cam L;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- Tổ HC-TP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Luật

